

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>147.346.129.297</b>	<b>59.574.613.928</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.929.695.073</b>	<b>8.956.141.300</b>
1. Tiền	111	5	3.929.695.073	8.956.141.300
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>526.060.000</b>	<b>526.060.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6a	738.520.000	738.520.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6a	(212.460.000)	(212.460.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.659.507.998</b>	<b>26.317.068.336</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	14.470.180.135	27.163.802.373
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2.145.054.554	131.777.970
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9a	190.196.490	167.411.174
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.145.923.181)	(1.145.923.181)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>125.842.770.359</b>	<b>22.613.608.238</b>
1. Hàng tồn kho	141		128.963.186.688	25.734.024.567
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.120.416.329)	(3.120.416.329)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.388.095.867</b>	<b>1.161.736.054</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12a	1.175.869.741	1.048.250.856
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		111.290.199	113.485.198
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	100.935.927	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>25.934.847.065</b>	<b>26.257.225.542</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.767.762.381</b>	<b>5.670.262.381</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9b	5.767.762.381	5.670.262.381
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>839.071.774</b>	<b>940.335.409</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	839.071.774	940.335.409
- Nguyên giá	222		3.920.427.869	3.920.427.869
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.081.356.095)	(2.980.092.460)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.391.700.000</b>	<b>5.391.700.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6b	5.391.700.000	5.391.700.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.936.312.910</b>	<b>14.254.927.752</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12b	13.936.312.910	14.254.927.752
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>173.280.976.362</b>	<b>85.831.839.470</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 03 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>122.802.620.454</b>	<b>26.266.207.245</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>122.802.620.454</b>	<b>26.266.207.245</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	116.372.535.948	22.232.653.883
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	4.064.054.660	3.350.700
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	18.592.810	488.624.601
4. Phải trả người lao động	314		-	728.594.860
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	686.701.852	454.747.738
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	607.073.161	726.417.885
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.053.662.023	1.631.817.578
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>50.478.355.908</b>	<b>59.565.632.225</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>50.478.355.908</b>	<b>59.565.632.225</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	1.827.782.537	1.827.782.537
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	19	759.440.595	759.440.595
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	(2.108.867.224)	6.978.409.093
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	19	2.228.409.093	1.187.727.804
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	19	(4.337.276.317)	5.790.681.289
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>173.280.976.362</b>	<b>85.831.839.470</b>



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Mơ

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2017

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thanh Tâm

Người lập biểu

Lê Mai Anh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2017

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	4.414.256.260	342.951.990.402
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		4.414.256.260	342.951.990.402
4. Giá vốn hàng bán	11	21	4.167.615.812	300.390.645.094
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>246.640.448</b>	<b>42.561.345.308</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	125.288.025	184.903.417
7. Chi phí tài chính	22	23	-	76.665.205
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	-	-
8. Chi phí bán hàng	25	24a	2.165.545.928	18.536.493.251
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24b	2.543.658.862	14.380.708.269
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(4.337.276.317)</b>	<b>9.752.382.000</b>
11. Thu nhập khác	31	25	-	116.129.455
12. Chi phí khác	32		-	21.575.898
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>94.553.557</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(4.337.276.317)</b>	<b>9.846.935.557</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	2.126.027.173
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(4.337.276.317)</b>	<b>7.720.908.384</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(1.099)	1.320
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	(1.099)	1.320



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Mơ

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2017

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thanh Tâm

Người lập biểu

Lê Mai Anh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2017

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý I/2017 VND	Năm 2016 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(4.337.276.317)	9.846.935.557
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao Tài sản cố định	02	166.349.049	541.445.294
- Các khoản dự phòng	03	-	504.079.508
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(125.288.025)	(291.568.195)
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.296.215.293)	10.600.892.164
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	10.461.319.410	(5.836.822.054)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(103.229.162.121)	(320.392.022)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	97.524.692.073	7.934.439.822
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	125.910.543	(1.453.301.640)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(410.123.309)	(1.692.955.562)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(578.155.555)	(606.590.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(401.734.252)</b>	<b>8.625.270.708</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	(1.827.313.660)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	114.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	1.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.762.500.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	125.288.025	177.022.740
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>125.288.025</b>	<b>(4.298.245.465)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.750.000.000)	(5.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.750.000.000)</b>	<b>(5.000.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(5.026.446.227)</b>	<b>(672.974.757)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.956.141.300	9.629.116.057
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>3.929.695.073</b>	<b>8.956.141.300</b>



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Mơ  
Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2017

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thanh Tâm

Người lập biểu

Lê Mai Anh

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### **1. Đặc điểm hoạt động**

#### **1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0104546308 ngày 22/03/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17/07/2015.

#### **1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh sách và thiết bị giáo dục.**

#### **1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép băng ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm;
- Bán thiết bị trường học, thiết bị giảng dạy các cấp;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị trường học, thiết bị phục vụ giảng dạy các cấp;
- Xây dựng nhà các loại (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Sản xuất đồ đạc cho nhà thờ, trường học, nhà hàng;

#### **1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty là đơn vị độc lập duy nhất, không có Công ty con, Công ty liên kết hay chi nhánh nào.

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm .  
Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.2 Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

##### ***Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác***

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

##### ***Dự phòng***

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

#### **4.3 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### *Nguyên giá*

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### *Khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với toàn bộ tài sản cố định hiện có. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5
Tài sản cố định khác	1,5

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Chi phí từ nhận chuyển nhượng văn phòng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian chuyển nhượng (50 năm);
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.7 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.8 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.9 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.11 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.12 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.15 Công cụ tài chính**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Ghi nhận ban đầu

#### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

#### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
  - ✓ Sách giáo khoa và sách bổ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - ✓ Các mặt hàng khác áp dụng thuế suất theo qui định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

#### 4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền

	31/03/2017	01/01/2017
Tiền mặt	140.353.494	15.359.221
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.789.341.579	8.940.782.079
<b>Cộng</b>	<b>3.929.695.073</b>	<b>8.956.141.300</b>

### 6. Đầu tư tài chính

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### a. Chứng khoán kinh doanh

	31/03/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu	738.520.000	562.680.000	212.460.000	738.520.000	562.680.000	212.460.000
+ Công ty CP Đầu tư tài chính Giáo dục	675.300.000	462.840.000	212.460.000	675.300.000	462.840.000	212.460.000
+ Công ty CP ĐT và PTGD Hà Nội	63.220.000	99.840.000	-	63.220.000	99.840.000	-
<b>Cộng</b>	<b>738.520.000</b>	<b>562.680.000</b>	<b>212.460.000</b>	<b>738.520.000</b>	<b>562.680.000</b>	<b>212.460.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/03/2017	01/01/2017
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá gốc</b>
	<b>Tình hình hoạt động</b>	<b>Tình hình hoạt động</b>
	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>
	<b>Dự phòng</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá gốc</b>
	<b>Dự phòng</b>	<b>Dự phòng</b>
Đầu tư vào đơn vị khác	5.391.700.000	5.391.700.000
- Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	121.250	-
- Công ty CP Sách TBTH Sơn La	16.000	-
- Công ty CP Đầu tư xuất bản và TBGD Việt Nam	400.000	-
	<i>Đang hoạt động</i>	<i>Đang hoạt động</i>
	<i>Đang hoạt động</i>	<i>Đang hoạt động</i>
	<i>Đang hoạt động</i>	<i>Đang hoạt động</i>
<b>Cộng</b>	<b>5.391.700.000</b>	<b>5.391.700.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/03/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Sách và TBTH Hà Giang	3.298.949.505	4.298.949.505
Công ty Cổ phần Sách và TBTH Thanh Hóa	1.764.599.774	2.652.910.564
Công ty Cổ phần Sách và TBTH Tuyên Quang	1.771.035.391	2.271.035.391
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	-	2.294.468.412
Công ty Cổ phần Sách-TBTH Sơn La	49.264.675	3.741.058.573
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.586.330.790	11.905.379.928
<b>Cộng</b>	<b>14.470.180.135</b>	<b>27.163.802.373</b>

### 8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2017	01/01/2017
Công ty TNHH thương mại Linh Hồng	1.313.502.080	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	675.356.565	-
Công ty Cổ phần in Phúc Yên	-	44.850.000
CT TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	96.989.370	24.138.970
Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng HDD	30.000.000	30.000.000
Các đối tượng khác	29.206.539	32.789.000
<b>Cộng</b>	<b>2.145.054.554</b>	<b>131.777.970</b>

### 9. Phải thu khác

#### a. Ngắn hạn

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	#####		82.800.000	-
Phải thu khác	#####	-	84.611.174	-
<b>Cộng</b>	<b>#####</b>	<b>-</b>	<b>167.411.174</b>	<b>-</b>

#### b. Dài hạn

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	#####	-	50.000.000	-
Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa	#####	-	5.520.262.381	-
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục	#####	-	100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>#####</b>	<b>-</b>	<b>5.670.262.381</b>	<b>-</b>

(a) Góp vốn với Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội và một số công ty khác thuộc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án mở rộng mặt bằng sản xuất theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010. Ngày 01/07/2014, các bên thống nhất ký Phụ lục hợp đồng 01/2014/PLHĐGV, theo đó Công ty nhận chuyển nhượng lại một phần vốn góp của Nhà xuất bản Giáo dục vào dự án này, nâng tỷ lệ đầu tư lên 37,5%. Hiện nay dự án đang triển khai thực hiện.

(b) Góp vốn với Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội để thực hiện dự án xây dựng Trung tâm xuất bản phát hành sách giáo khoa theo Hợp đồng góp vốn số 1F/2010/HĐGV ngày 08/07/2010. Tổng số vốn dự kiến góp là 220.000.000.000 đồng. Cho đến thời điểm hiện nay, dự án vẫn chưa được triển khai.

### 10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/03/2017	01/01/2017
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	1.145.923.181	1.145.923.181
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.143.958.894	1.143.958.894
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	1.964.288	1.964.288
<b>Cộng</b>	<b>1.145.923.181</b>	<b>1.145.923.181</b>

### 11. Hàng tồn kho

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	29.343.360	-
Nguyên liệu, vật liệu	#####	-	4.644.314.322	-
Công cụ, dụng cụ	#####	-	224.590.959	-
Chi phí SX, KD dở dang	#####	-	433.778.712	-
Thành phẩm	#####	2.260.811.228	5.753.766.864	2.260.811.228
Hàng hóa	#####	859.605.101	#####	859.605.101
<b>Cộng</b>	<b>#####</b>	<b>3.120.416.329</b>	<b>#####</b>	<b>3.120.416.329</b>

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/03/2017.

### 12. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	31/03/2017	01/01/2017
Thuế GTGT không được khấu trừ chờ kết chuyển	694.034.454	672.864.856
Chi phí sửa chữa cửa hàng	-	-
Chi phí tổ chức bán thảo	481.835.287	375.386.000
<b>Cộng</b>	<b>1.175.869.741</b>	<b>1.048.250.856</b>

#### b. Dài hạn

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/03/2017	01/01/2017
Chi phí sửa chữa cửa hàng	-	24.280.750
Công cụ, dụng cụ	181.029.171	271.543.758
Chi phí hoàn thiện văn phòng công ty (làm vách ngăn, ốp trần..)	1.063.628.030	1.202.362.121
Chi phí nhận chuyển nhượng văn phòng (*)	12.691.655.709	12.756.741.123
<b>Cộng</b>	<b>13.936.312.910</b>	<b>14.254.927.752</b>

(\*) Theo hợp đồng chuyển nhượng văn phòng số 207C1/HĐCNVP/HANDICO6, Công ty nhận chuyển nhượng 393,77 m<sup>2</sup> tại tầng 12A của Tòa nhà Diamond Flower trong thời hạn 50 năm để làm văn phòng. Thời điểm bàn giao tòa nhà: cuối tháng 11/2015. Hiện tại, Công ty chưa có quyền sở hữu văn phòng làm tài sản riêng của mình (theo Hợp đồng, nếu có sự thay đổi về Pháp luật cho phép thì Công ty phải trả thêm một khoản chi phí 2.100.000 đồng/m<sup>2</sup> và Công ty sẽ có quyền sở hữu văn phòng làm tài sản riêng của mình). Theo đó, Công ty thực hiện phân bổ chi phí chuyển nhượng này vào chi phí trong thời gian là 50 năm.

### 13. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	3.292.978.465	343.287.882	284.161.522	3.920.427.869
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.292.978.465</b>	<b>343.287.882</b>	<b>284.161.522</b>	<b>3.920.427.869</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	2.400.521.176	316.168.417	263.402.867	2.980.092.460
Khấu hao trong năm	88.892.423	5.287.879	7.083.333	101.263.635
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.489.413.599</b>	<b>321.456.296</b>	<b>270.486.200</b>	<b>3.081.356.095</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	892.457.289	27.119.465	20.758.655	940.335.409
<b>Số cuối năm</b>	<b>803.564.866</b>	<b>21.831.586</b>	<b>13.675.322</b>	<b>839.071.774</b>

- Không có TSCĐ hữu hình thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/03/2016.
- Các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

### 14. Phải trả người bán ngắn hạn



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/03/2017	01/01/2017
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	114.015.648.715	16.250.004.840
Các đối tượng khác	2.356.887.233	5.982.649.043
<b>Cộng</b>	<b>116.372.535.948</b>	<b>22.232.653.883</b>

### 15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2017	01/01/2017
Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	675.356.565	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Giáo dục Hà Nội	993.286.471	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.634.968.750	-
Nhà Sách Oanh Bình - LS	-	2.124.600
Các đối tượng khác	760.442.874	1.226.100
<b>Cộng</b>	<b>4.064.054.660</b>	<b>3.350.700</b>

### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	410.123.309	-	410.123.309	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	78.501.292	152.870.586	212.779.068	-	18.592.810
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>488.624.601</b>	<b>152.870.586</b>	<b>622.902.377</b>	<b>-</b>	<b>18.592.810</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2017	01/01/2017
Chi phí hội nghị	175.807.000	230.800.000
Phí tổ chức bán thảo	508.270.532	221.323.418
Phí quản lý xuất bản	-	-
Các khoản trích trước khác	2.624.320	2.624.320
<b>Cộng</b>	<b>686.701.852</b>	<b>454.747.738</b>

### 18. Phải trả khác ngắn hạn

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/03/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	84.307.679	68.986.758
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	49.362.460	
Phải trả khác	473.403.022	326.042.997
<b>Cộng</b>	<b>607.073.161</b>	<b>726.417.885</b>

### 19. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2016	50.000.000.000	1.441.737.118	373.395.176	6.187.727.804	58.002.860.098
Tăng trong năm	-	386.045.419	386.045.419	7.720.908.384	8.492.999.222
Giảm trong năm	-	-	-	6.930.227.095	6.930.227.095
Số dư tại 31/12/2016	<u>50.000.000.000</u>	<u>1.827.782.537</u>	<u>759.440.595</u>	<u>6.978.409.093</u>	<u>59.565.632.225</u>
Số dư tại 01/01/2017	50.000.000.000	1.827.782.537	759.440.595	6.978.409.093	59.565.632.225
Tăng trong năm				(4.337.276.317)	(4.337.276.317)
Giảm trong năm				4.750.000.000	4.750.000.000
Số dư tại 31/03/2017	<u>50.000.000.000</u>	<u>1.827.782.537</u>	<u>759.440.595</u>	<u>(2.108.867.224)</u>	<u>50.478.355.908</u>

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2017	01/01/2017
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.000.000.000	23.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	2.500.000.000	2.500.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24.500.000.000	24.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

#### c. Cổ phiếu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	31/03/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Quý I/2017	Năm 2016
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	6.978.409.093	6.187.727.804
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	(4.337.276.317)	7.720.908.384
Phân phối lợi nhuận	4.750.000.000	6.930.227.095
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	4.750.000.000	5.000.000.000
+ Chia lãi cho các cổ đông (*)	4.750.000.000	5.000.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (**)	-	1.930.227.095
+ Trích quỹ KGPL, quỹ khen thưởng Ban điều hành (15%)	-	1.158.136.257
+ Trích quỹ đầu tư phát triển (5%)	-	386.045.419
+ Quỹ bổ sung vốn điều lệ (5%)	-	386.045.419
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>(2.108.867.224)</b>	<b>6.978.409.093</b>

(\*) Lợi nhuận năm 2016 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày [REDACTED]

### e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 [REDACTED] đã thông qua phương án trả cổ tức 2016 bằng tiền mặt với tỷ lệ [REDACTED] vốn điều lệ. Công ty đã chi trả số cổ tức này trong năm 2017.

Ngày 04/01/2017, Hội đồng quản trị đã thông báo chốt danh sách để trả cổ tức năm 2016 mức 10%/năm. Ngày chốt danh sách để thực hiện trả cổ tức là ngày 09/01/2017.

## 20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Quý I/2017	Năm 2016
Doanh thu bán sách giáo khoa	2.444.815.843	279.424.830.581
Doanh thu bán sách tham khảo	1.167.309.192	60.072.905.614
Doanh thu bán thiết bị giáo dục	472.846.121	2.668.231.246
Doanh thu khác	329.285.104	786.022.961
<b>Cộng</b>	<b>4.414.256.260</b>	<b>342.951.990.402</b>

### 21. Giá vốn hàng bán

	Quý I/2017	Năm 2016
Giá vốn bán sách giáo khoa	2.600.788.265	262.548.643.570
Giá vốn bán sách tham khảo	936.678.055	35.375.446.323
Giá vốn bán thiết bị giáo dục	312.296.127	1.956.131.348
Giá vốn khác	317.853.365	510.423.853
<b>Cộng</b>	<b>4.167.615.812</b>	<b>300.390.645.094</b>

### 22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I/2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.038.025	40.342.740
Cổ tức, lợi nhuận được chia	121.250.000	136.680.000
Chiết khấu thanh toán	-	7.880.677
<b>Cộng</b>	<b>125.288.025</b>	<b>184.903.417</b>

### 23. Chi phí tài chính

	Quý I/2017	Năm 2016
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	48.720.000
Chiết khấu thanh toán	-	27.945.205
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>76.665.205</b>

### 24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Quý I/2017	Năm 2016
Chi phí hoa hồng, hội nghị	23.500.000	1.075.657.850
Tiền lương nhân viên bán hàng	1.530.946.247	6.790.971.193
Chi phí thuê kho	-	1.461.305.243
Chi phí vận chuyển	16.522.882	4.471.478.503
Các khoản khác	594.576.799	4.737.080.462
<b>Cộng</b>	<b>2.165.545.928</b>	<b>18.536.493.251</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Quý I/2017	Năm 2016
Tiền lương	872.824.609	4.534.068.845
Chi phí công tác	107.980.546	656.681.263
Chi phí thuê kho	65.085.414	148.214.839
Dự phòng phải thu	-	689.760.306
Chi phí dụng cụ văn phòng		1.010.317.318
Các khoản khác	1.497.768.293	7.341.665.698
<b>Cộng</b>	<b>2.543.658.862</b>	<b>14.380.708.269</b>

### 25. Thu nhập khác

	Quý I/2017	Năm 2016
Thu nhập bán phế liệu	-	1.584.000
Thanh lý tài sản cố định	-	114.545.455
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>116.129.455</b>

### 26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý I/2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.337.276.317)	9.846.935.557
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	-	556.152.346
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)		692.832.346
- Điều chỉnh giảm (Cổ tức lợi nhuận được chia)		136.680.000
Tổng thu nhập chịu thuế	-	11.972.962.730
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>2.126.027.173</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	-	2.080.617.580
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	45.409.593

### 27. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Quý I/2017	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.337.276.317)	7.720.908.384
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(1.158.136.257)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi)	-	1.158.136.257
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.337.276.317)	6.562.772.127
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(867)</b>	<b>1.313</b>

### 28. Báo cáo bộ phận

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

### 29. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### a. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Do không phát sinh giao dịch và số dư ngoại tệ, các khoản vay, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá hàng hóa, nguyên liệu.

#### *Quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu*

Chi phí in ấn và chi phí nguyên liệu chiếm phần lớn trong giá thành thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá in ấn và giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về chi phí in ấn thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí. Đối với nguyên vật liệu, Công ty lựa chọn những đối tác tin cậy lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Ngoài ra, Công ty còn so sánh mức giá giữa các nhà cung cấp để đảm bảo mua nguyên vật liệu chất lượng nhưng với mức giá hợp lý nhất.

#### Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các công ty sách, các trường học, các Sở, phòng giáo dục đào tạo, các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với những khách hàng trên.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

### 30. Thông tin về các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP PHS- TBTH Hưng Yên	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách ĐH - dạy nghề	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Hà Tĩnh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Tuyên Quang	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Sơn La	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP đầu tư và xuất bản Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Nghệ An	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Cửu long	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách - TBGD Nam Định	Chung Công ty đầu tư

### 31. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi AAC.



**Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Thị Mơ**

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2017

**Kế toán trưởng**

**Hoàng Thị Thanh Tâm**

**Người lập biểu**

**Lê Mai Anh**